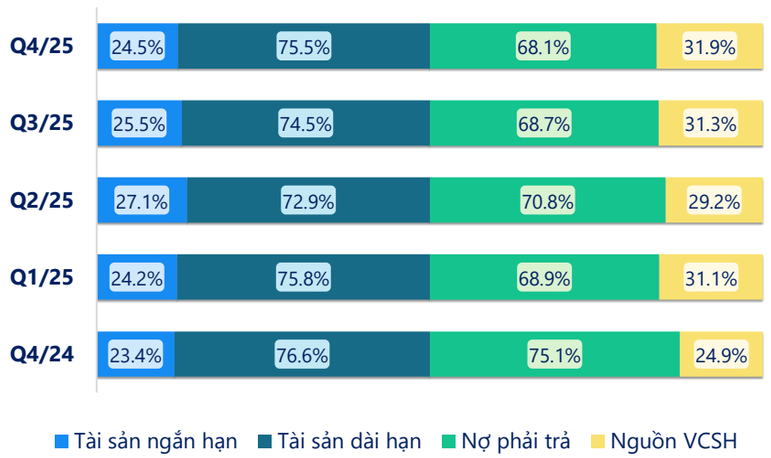
CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (HSX: CII)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	20,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	30,350
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,015
SL cổ phiếu LH	625,450,421
KLGD BQ 20 phiên (CP)	14,934,930
% sở hữu nước ngoài	3.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	13,072
P/E	98.4
EPS	212

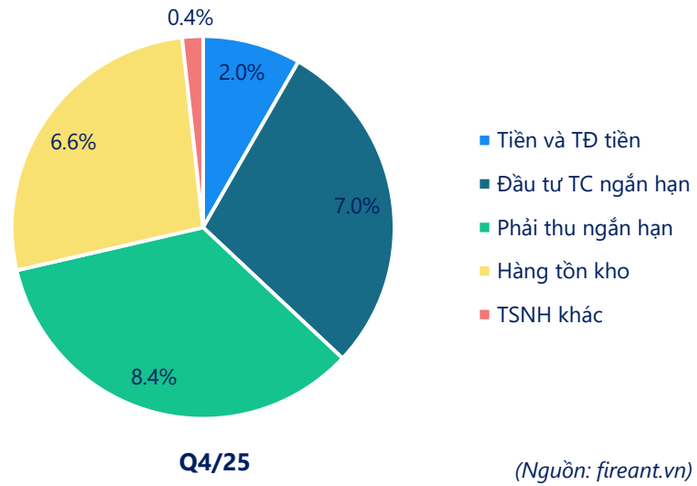
	YTD	1T	3T	6T
CII	73.9%	-23.2%	-16.7%	60.1%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

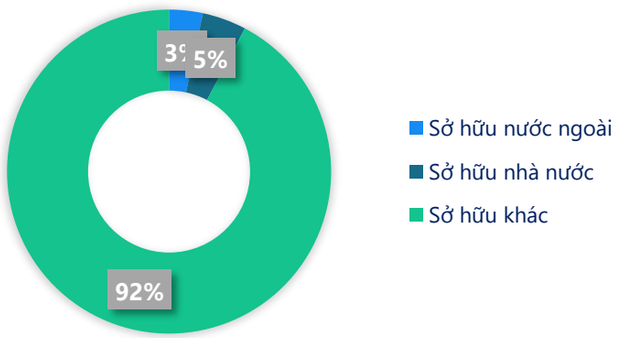
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Q4/25

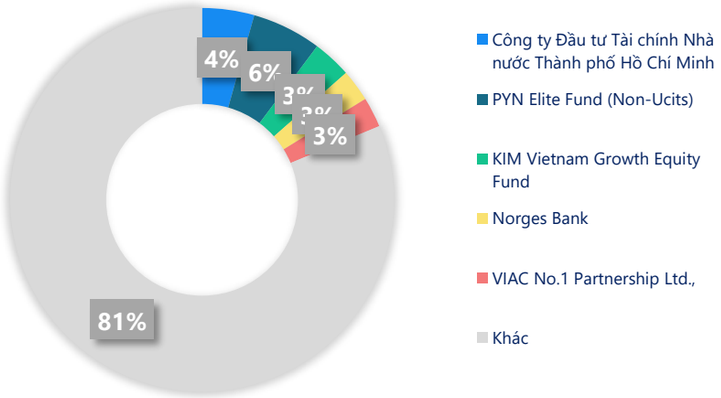
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



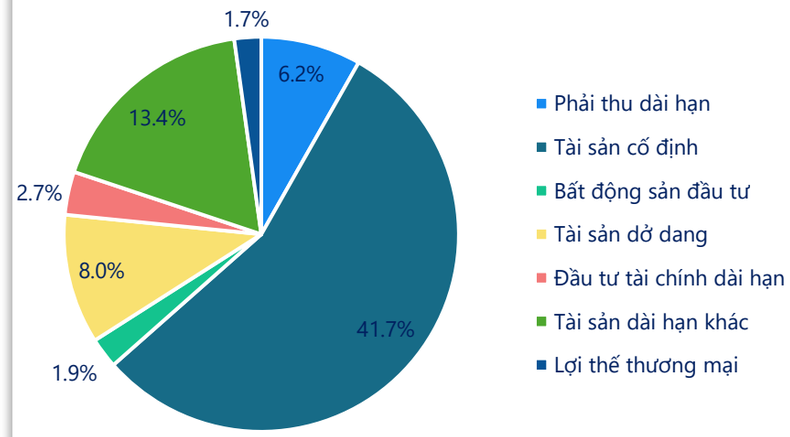
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



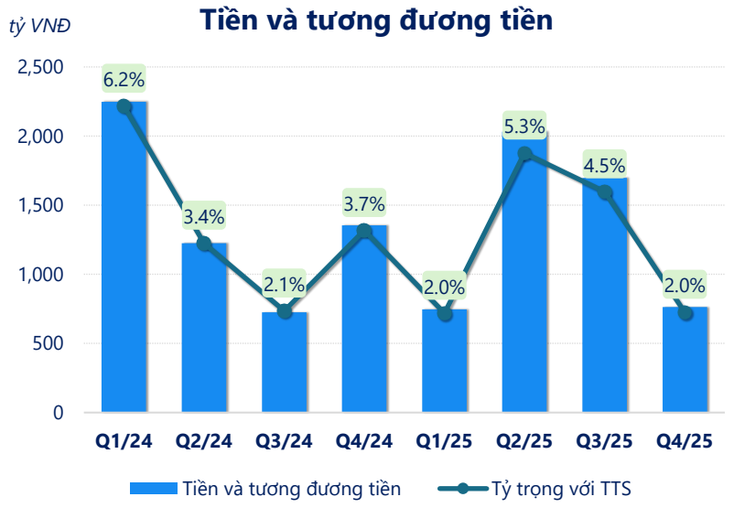
Q4/25

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

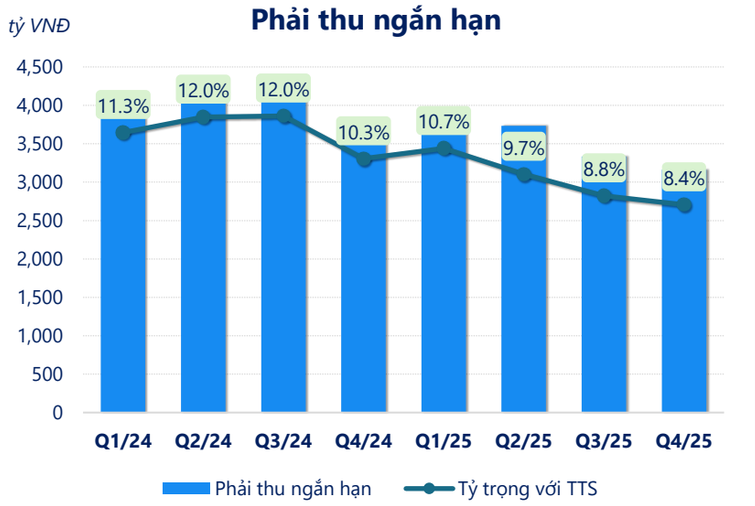
CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (HSX: CII)

Tiền và tương đương tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



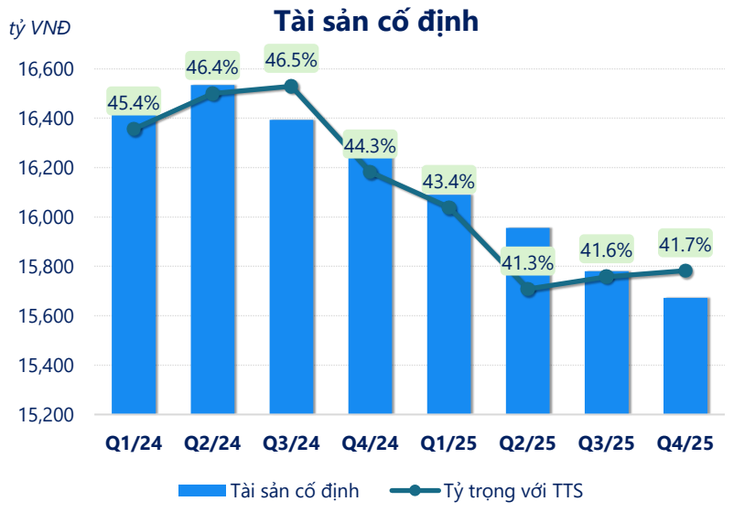
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



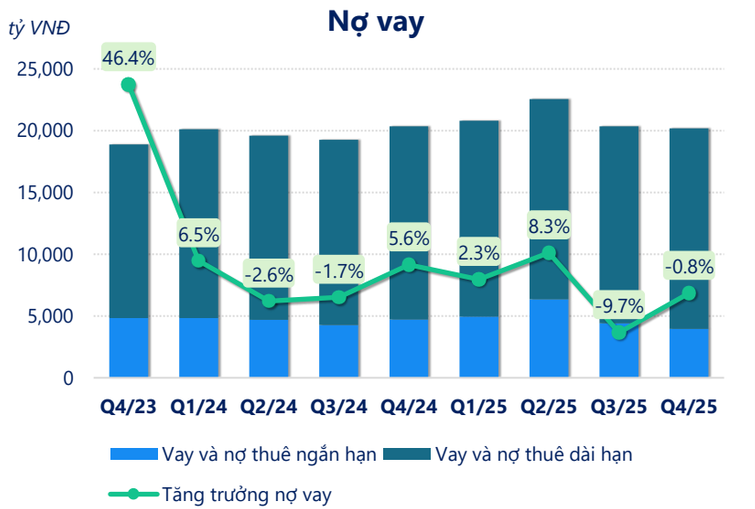
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



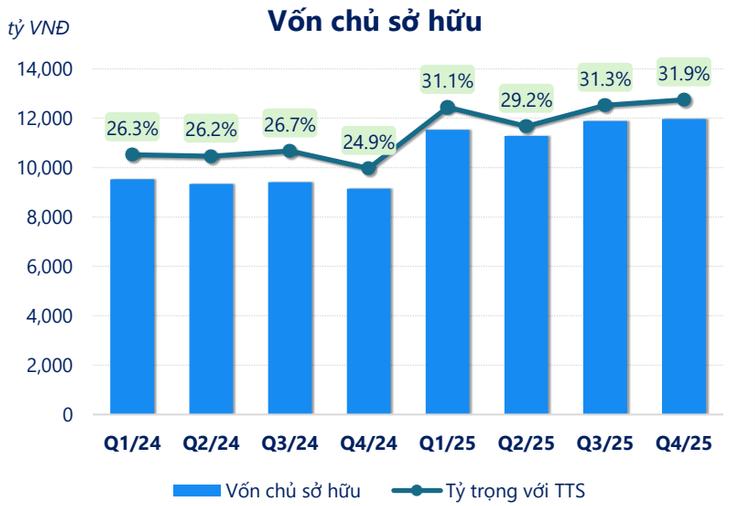
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

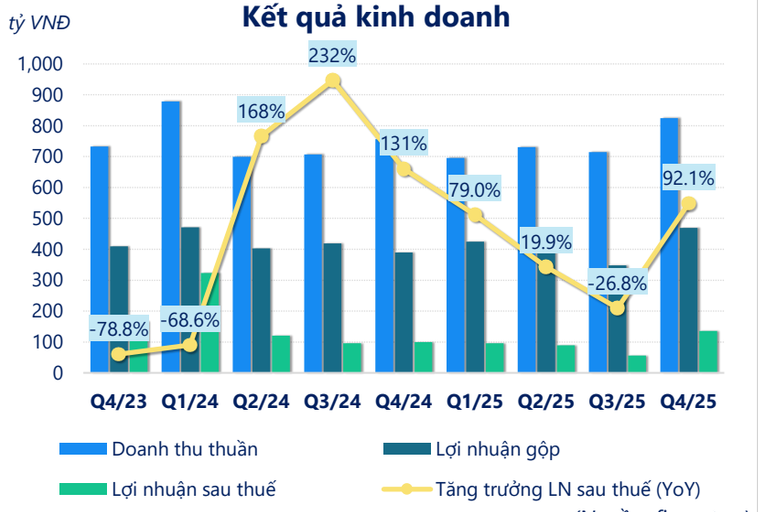


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

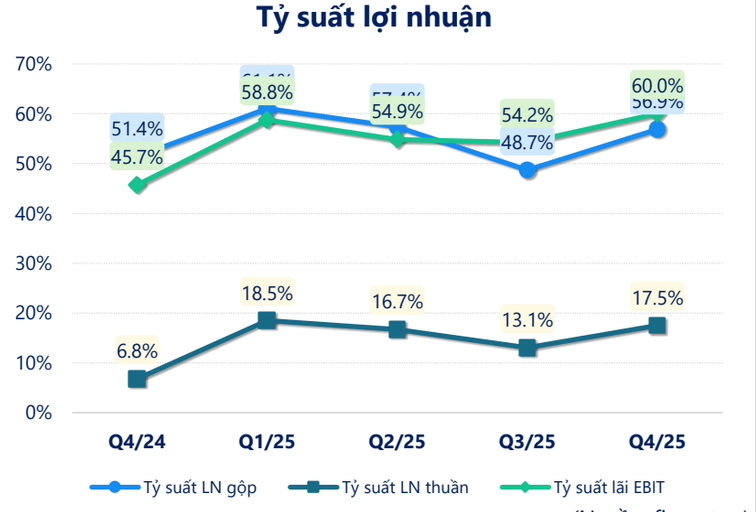
CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (HSX: CII)

Kết quả kinh doanh



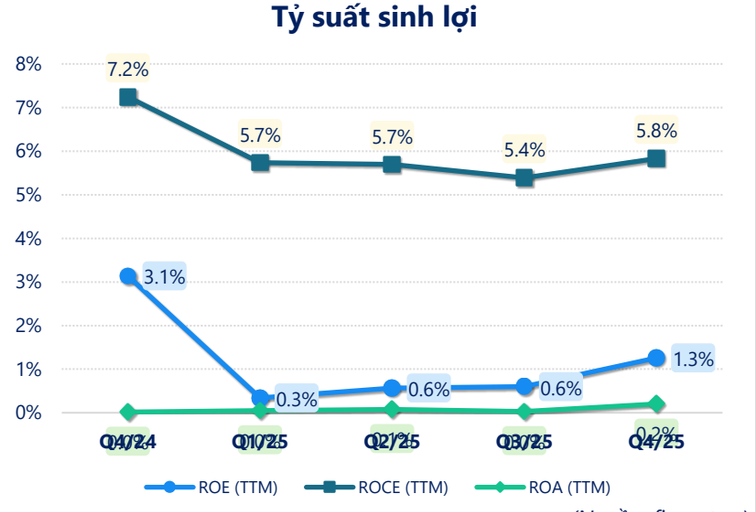
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



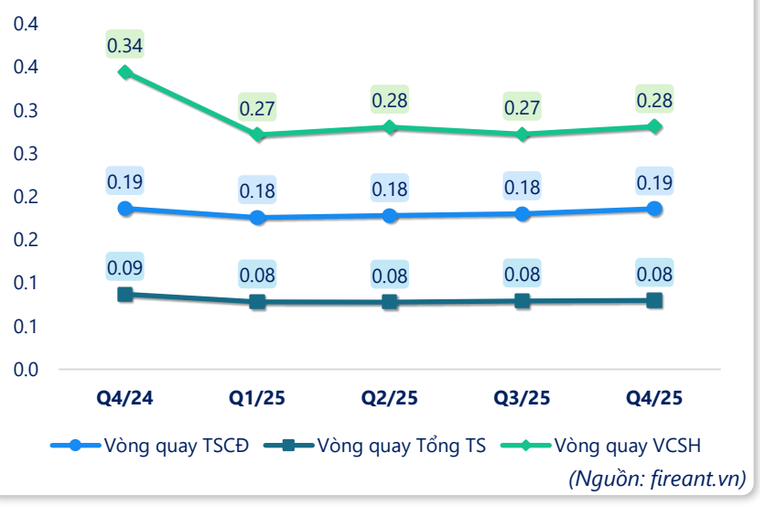
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



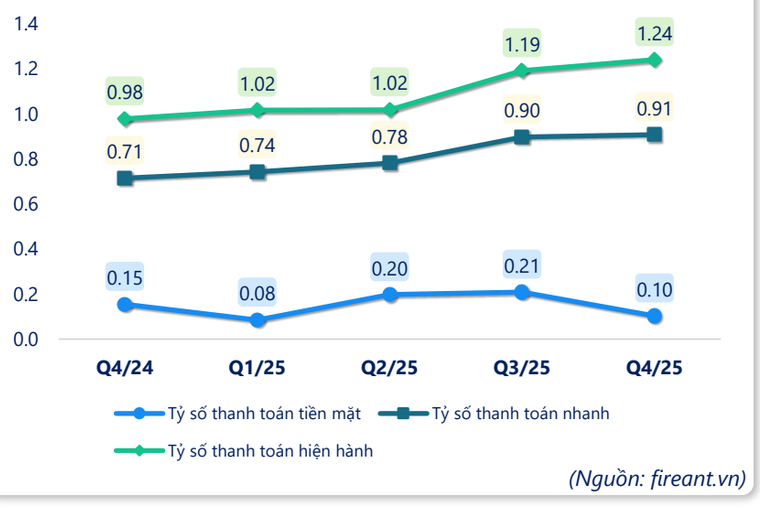
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



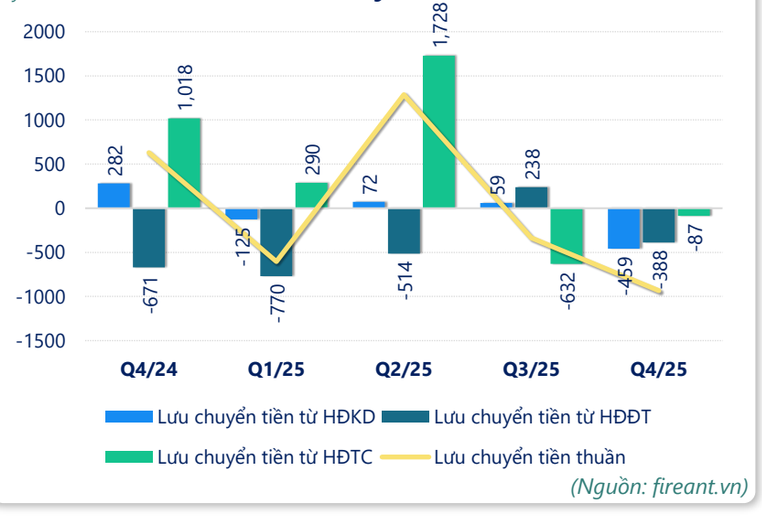
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (HSX: CII)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**37,545**	**36,671**	**2.4%**
Tài sản ngắn hạn	9,189	8,549	7.5%
Tiền và tương đương tiền	763	1,352	-43.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,636	1,008	162%
Phải thu ngắn hạn	3,161	3,769	-16.1%
Hàng tồn kho	2,467	2,294	7.5%
Tài sản ngắn hạn khác	161	125	28.8%
Tài sản dài hạn	**28,356**	**28,122**	**0.8%**
Phải thu dài hạn	2,327	2,069	12.5%
Tài sản cố định	15,673	16,263	-3.6%
Bất động sản đầu tư	705	734	-3.9%
Tài sản dở dang	3,012	2,716	10.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	1,003	1,024	-2.1%
Tài sản dài hạn khác	**5,013**	**4,445**	**12.8%**
Lợi thế thương mại	624	871	-28.4%
Nợ phải trả	25,578	27,547	-7.1%
Nợ ngắn hạn	**7,408**	**8,961**	**-17.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3,959	4,912	-19.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	496	682	-27.4%
Nợ dài hạn	18,170	18,586	-2.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	16,220	15,434	5.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**11,966**	**9,124**	**31.1%**
Vốn chủ sở hữu	**11,966**	**9,124**	**31.1%**
Vốn điều lệ	6,255	3,198	95.6%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	757	696	731	714	825
Giá vốn hàng bán	367	271	312	366	355
Lợi nhuận gộp	389	425	419	348	469
Doanh thu HĐTC	188	170	232	181	249
Chi phí TC	358	345	377	303	417
Chi phí lãi vay	315	299	314	324	350
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	22.7	21.5	20.7	23.2	17.1
Chi phí QLDN	145	99.4	131	110	140
LN thuần từ HĐKD	51.4	129	122	93.4	145
Lợi nhuận khác	-20.7	-18.7	-35.5	-29.8	0.18
LN trước thuế	30.8	110	86.8	63.6	145
Lợi nhuận sau thuế	99.8	95.6	89.5	56.1	136
LNST của CĐ cty mẹ	5.95	18.1	28.7	11.1	75.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	282	-125	71.7	59.0	-459
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-671	-770	-514	238	-388
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1,018	290	1,728	-632	-86.9
Tiền đầu kỳ	725	1,352	746	2,033	1,697
Lưu chuyển tiền thuần	**629**	**-606**	**1,286**	**-336**	**-934**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1,354	746	2,033	1,697	763

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic